TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
---	**Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**
Bản án số: 465/2023/HS-PT	
Ngày: 19-7-2023	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đắc Minh

Các thẩm phán: Ông Chung Văn Kết

Ông Cao Văn Tám

***- Thư ký phiên toà ghi biên bản phiên toà*:** Ông Thái Lê Quỳnh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Vi Dũng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 242/2023/TLPT-HS ngày 09/3/2023, do có kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2023/HS-ST ngày 07/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- *Bị cáo bị kháng cáo, kháng nghị:*

Họ và tên: Triệu Hải D**,** sinh ngày 10/7/1979 tại Rạch G, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: F N, khu phố G, phường R, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; Giới tính: nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: mua bán; Tiền án, tiền sự: không; H và tên cha: Triệu Văn M, sinh năm: 1946; Họ và tên mẹ: Trần Thị Lệ C, sinh năm: 1956; A, chị em ruột gồm 05 người, lớn nhất sinh năm 1974, nhỏ nhất sinh năm 1983; Họ và tên vợ: Trương Kiều N, sinh năm 1983; Họ và tên con: Triệu Quỳnh A,sinh năm 2006; bị tạm giam ngày 18/11/2021đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa chỉ định:* Luật sư Lại Hùng A1 - Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh K (Có mặt).

- *Người bị hại:* Ông Nguyễn Ngọc N1, sinh năm 1981 (chết)

Địa chỉ: Số D, đường N, khu phố G, phường R, thành phố R, Kiên Giang.

Đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Lữ Thị B, sinh năm 1935 (mẹ ruột bị hại) (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số D, đường N, khu phố G, phường R, thành phố R, Kiên Giang.

Ủy quyền cho bà Mai Phương T sinh năm 1984, theo văn bản ủy quyền số 41 ngày 15/02/2022 (Có mặt).

Địa chỉ: Số D, đường N, khu phố G, phường R, thành phố R, Kiên Giang.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại:* Luật sư Nguyễn Trần Thụy Q thuộc Đoàn luật sư tỉnh K (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Mai Phương T, sinh năm 1984 (Có mặt)

Địa chỉ: Số D, đường N, khu phố G, phường R, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. Bà Trần Thị Lệ C, sinh năm 1956 (Có mặt)

Địa chỉ: Số E, đường N, khu phố G, phường R, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

3. Anh Nguyễn Ngọc N2, sinh năm 2003 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số H, đường Đ, phường R, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Ngọc B1, sinh năm 1992 (Có mặt)

Địa chỉ: Số E, đường N, khu phố G, phường R, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. Bà Nguyễn Như P, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số E, đường N, khu phố G, phường R, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 12/11/2021, Triệu Hải D uống rượu cùng với Nguyễn Ngọc N1, Triệu Thanh Đ, Nguyễn Như P, Nguyễn Thị Yến N3 tại nhà số E N, khu phố G, phường R, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Trong quá trình uống rượu thì N1 và D xảy ra mâu thuẫn cự cãi với nhau nên cả hai định đánh nhau thì được mọi người can ngăn. Sau khi được mọi người can ngăn thì D đi về nhà ở số F N, phường R, thành phố R, còn N1 đi về nhà ở số D N, phường R, thành phố R. Đến khoảng 18 giờ 35 phút cùng ngày thì N1 cầm 01 cây dao tầm bức, lưỡi dao bằng kim loại dài khoảng 36cm, cán dao bằng gỗ bên ngoài ốp ống sắt dài khoảng 13,5cm đi đến trước cửa nhà của D dùng lời lẽ thô tục chửi và thách thức đánh nhau với D. Lúc này D bực tức nên lấy 01 cây dao yếm lưỡi bằng kim loại dài khoảng 24cm, cán dao bằng kim loại dài 47,5cm chạy ra phía trước lộ đánh nhau với N1. Trong quá trình đánh nhau thì N1 dùng dao chém trúng vào vùng trán phải của D gây thương tích, còn D dùng dao chém trúng vào cẳng tay phải của N1, lúc này cả hai đều bị rớt dao xuống lộ đal (lộ bê tông). Sau đó N1 và D tiếp tục đánh nhau bằng tay, cả hai câu vật nhau xuống lộ đal (lộ bê tông), trong lúc câu vật, xô đẩy làm cho vùng đầu của N1 đập xuống lộ thì được mọi người can ngăn và đưa N1, D vào Bệnh viện đa khoa

tỉnh K cấp cứu và điều trị, ngày 13/11/2021 Nguyễn Ngọc N1 tử vong, riêng Triệu Hải D đến ngày 18/11/2021 xuất viện. Ngày 15/11/2021 T2 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K ra Quyết định khởi tố bị can và ra lệnh bắt tạm giam về tội "Giết người", ngày 18/11/2021 Triệu Hải D bị bắt tạm giam để điều tra.

** Tại Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 1034/KL-KTHS ngày 27/11/2021 của* Phòng K Công an tỉnh K *đối với* Nguyễn Ngọc N1 *kết luận:*

1. Các kết quả chính:

- Sây sát da, bầm tụ máu và phù nề vùng chẩm kích thước 12cm x 10cm.
- Tụ máu dưới da đầu vùng chẩm phải kích thước 12cm x 6cm.
- Nứt xương sọ vùng thái dương chẩm phải dài 15cm.
- Nứt sàn sọ giữa hai bên.
- Tụ máu dưới màng nhện vùng thái dương hai bên.
- Tụ máu thân não và tiểu não.

2. Nguyên nhân chết: Chấn thương sọ não trên người bị bệnh C1 - 19.

3. Vật gây thương tích và chiều hướng vết thương:

- Vùng đầu: Vật gây thương tích là vật tày diện rộng, có chiều hướng từ sau ra trước.
- Vùng cẳng tay phải: Vật gây thương tích là vật sắc, có chiều hướng từ trên xuống và từ trước ra sau.

** Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 546/TgT ngày 21/9/2022 củaTrung tâm pháp y tỉnh Kiên Giang đối với* Triệu Hải D *kết luận:*

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Sẹo phần mềm vùng mặt (trán) phải.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 06% (sáu phần trăm).

3. Vật gây thương tích: Vật sắc.

* Về phần trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra, đại diện hợp pháp của bị hại là bà Lữ Thị B (mẹ ruột Nguyễn Ngọc N1) và bà Mai Phương T (chung sống như vợ chồng với Nguyễn Ngọc N1 nhưng không đăng ký kết hôn) yêu cầu buộc Triệu Hải D phải bồi thường mai táng phí 50.000.000đ; tổn thất về tinh thần 150.000.000đ; cấp dưỡng 150.000.000đ và tiền sinh mạng con người 500.000.000đ, tổng cộng là 850.000.000đ. Triệu Hải D chấp nhận bồi thường tiền mai tang phí 50.000.000đ, còn tổn thất tinh thần và cấp dưỡng thì yêu cầu tính theo quy định pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số:70/CT - VKSTKG-P2 ngày 17/10/2022 của Viện kiểm sát nhân tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Triệu Hải D tội "Giết người" theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 10/2023/HS-ST ngày 07/3/2023, Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự;

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 134; điểm b, e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

1. Tuyên bố bị cáo Triệu Hải D phạm tội *"Cố ý gây thương tích"*.

2. Xử phạt bị cáo Triệu Hải D 8 (T1) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị tạm giam (ngày 18/11/2021).

3. Về trách nhiệm dân sự, áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585 và Điều 591 Bộ luật dân sự, chấp nhận một phần yêu cầu của đại diện hợp pháp của bị hại:

- Buộc bị cáo Triệu Hải D phải bồi thường chi phí mai táng bị hại Nguyễn Ngọc N1 50.000.000đ và bồi thường tổn thất tinh thần cho bà Lữ Thị Ba m ruột bị hại Nhẫn 60.000.000đ. Tổng cộng là 110.000.000đ (Một trăm mươi triệu đồng). Bà Mai Phương T đại diện theo ủy quyền của bà Lữ Thị B đã nhận đủ 110.000.000đ (Một trăm mươi triệu đồng) từ gia đình bị cáo D, như vậy bị cáo D đã thực hiện xong việc bồi thường chi phí mai táng và tổn thất thi thần cho gia đình bị hại.

- Buộc bị cáo Triệu Hải D phải cấp dưỡng đối với bà Lữ Thị Ba m ruột bị hại Nhẫn mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 13 tháng 11 năm 2021.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

- Ngày 20/3/2023, đại diện hợp pháp của bị hại là bà Lữ thị B2 và bà Mai Phương T có đơn kháng cáo, nội dung đề nghị huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại vụ án.

- Ngày 17/3/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang có kháng nghị số 02/QĐ-VKSTKG-P2 đề nghị phúc xử theo hướng xét xử bị cáo D về tội "Giết người" theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật tố tụng hình sự, không áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 và tăng hình phạt đối với bị cáo D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của bị hại là bà T trình bày nội dung kháng cáo, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm xét xử bị cáo D về tội "Giết người", tăng hình phạt đối với bị cáo D và tăng mức bồi thường.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

Về thủ tục tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Kháng cáo của bị cáo, bị hại, kháng nghị của Viện kiểm sát trong hạn luật định. Về nội dung vụ án đúng như chủ tọa phiên tòa tóm tắt.

Về nội dung: Về tội danh, Toà án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội *"Cố ý gây thương tích"* là đúng, bị hại cầm dao đến nhà bị cáo, bị hại có hành vi chém bị cáo trước. Sau đó bị cáo chém lại, 2 bên câu vật, bị hại chết là do chấn

thương sọ não. Tình tiết vụ án phù hợp với tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, phù hợp với Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 1034/KL-KTHS ngày 27/11/2021của Phòng K Công an tỉnh K. Về tình tiết giảm nhẹ, Toà án cấp sơ thẩm áp dụng điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là sai, xét quá trình diễn ra vụ án thì cả 2 bên đều mang hung khí ra, cả hai cùng có lỗi, bị cáo dùng dao hơn 70cm, chém bị hại 2 nhát, sau khi rớt dao thì cùng câu vật, bị cáo cũng có sự chuẩn bị, sẵn sàng sử dụng bạo lực nên không có sự tinh thần kinh động về tinh thần. Ngoài bị cáo, Cơ quan tiến hành tố tụng tại sơ thẩm không chứng minh được có ai khác tham gia. Về mức bồi thường, Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét là đúng quy định của pháp luật. Đại diện hợp pháp của bị hại kháng cáo nhưng không có thêm tài liệu, chứng cứ nào khác nên không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích như trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên tội danh "Cố ý gây thương tích" đối với bị cáo D, rút kháng nghị về phần thay đổi tội danh và tăng hình phạt từ 1-2 năm tù về tội *"Cố ý gây thương tích"*.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đại diện hợp pháp của bị hại trình bày:* Về tội danh, tại giai đoạn điều tra và truy tố về tội *"Giết người"* là có căn cứ. Căn cứ lời khai ban đầu khi bị cáo đang ở Bệnh viện là bị cáo đã khai là khi phát hiện bị hại từ xa, bị cáo đi lấy dao, mở cửa nhà đi ra. Đây là hành vi tấn công trực tiếp (Bút lục 161-163, 165-166). Tuy nhiên, khi đến phiên toà thì bị cáo khai khác đi. Ngày 18/11/2021, bị cáo tiếp tục khai lại như vậy, nhiều tháng sau bị cáo bắt đầu thay đổi lời khai. Bị cáo là bộ đội xuất ngũ nên có khả năng làm bị hại chết. Bút lục số 55, thể hiện máu ở nhà 58, không phải nhà 60, bị cáo chạy qua nhà 58 để tấn công bị hại, giám định không chỉ có 2 vết thương mà có rất nhiều thương tích. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử bị cáo D về tội "Giết người" và tăng hình phạt đối với bị cáo D.

- *Người bào chữa cho bị cáo trình bày:* Bị hại là cũng người có lỗi, bị hại cầm dao tìm bị cáo trước. Nếu xét về lỗi thì bị hại có lỗi cao hơn, đó là nguyên nhân dẫn đến kích động cho bị cáo. Bị cáo có thời gian tham gia quân ngũ, gia đình khó khăn, vợ bị cáo đã bỏ đi, không còn sống chung, con nhỏ, mẹ già cần người chăm sóc. Đây là những tình tiết giảm nhẹ đặc biệt cho bị cáo. Do đó, đề nghị bác kháng cáo và kháng nghị, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo đồng ý với lời bào chữa, không bổ sung.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh rút một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang về chuyển tội danh của bị cáo Triệu Hải D sang tội "Giết người". Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 342 Bộ luật tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang về phần tội danh đối với bị cáo Triệu Hải D.

[2]. Xét kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang:

[2.1] Tại phiên tòa, bị cáo Triệu Hải D khai nhận do ông Nguyễn Ngọc N1 cầm dao đến trước cửa nhà chửi, thách thức đánh nhau, bực tức nên cầm dao chạy ra thì bị ông N1 chém trúng vào trán gây thương tích, bị cáo dùng dao chém lại ông N1 trúng vào tay, cả hai rớt dao và ngay sau đó xông vào câu vật nhau ngã xuống lộ, lúc câu vật nhau đầu ông N1 có va đập xuống lộ. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai trong giai đoạn điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như lời khai của người làm chứng; Kết luận giám định… Từ đó có căn cứ để kết luật hành vi bị cáo D thực hiện cấu thành tội cố ý gây thương tích làm chết người quy định tại điểm a khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự, không đủ cơ sở để xác định hành vi của bị cáo D phạm tội giết người quy định tại điểm a khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự truy tố của Viện kiểm sát, bởi lẽ:

Theo kết luận giám định pháp y tử thi xác định vật gây thương tích ở vùng đầu ông N1 là *vật tày diện rộng* và nguyên nhân chết là *chấn thương sọ não* (Bút lục 32-33). Từ đó xác định được hành vi bị cáo D dùng dao chém gây thương tích ở tay không gây ra cái chết đối với ông N1, việc giữa bị cáo và ông N1 câu vật nhau trên nền lộ bê tông đầu ông N1 va đập xuống nền lộ nên bị chấn thương sọ não dẫn đến tử vong là phù hợp. Bị cáo D khai nhận, sau khi hai bên rớt dao thì xông vào câu vật nhau trên nền lộ, chứ bị cáo không dùng hung khí gì đánh vào đầu ông N1. Lời khai của những người làm chứng Nguyễn Ngọc B1, Nguyễn Như P, Nguyễn Thị Yến N3 cũng xác định chỉ thấy bị cáo D và ông N1 câu vật nhau trên nền lộ, sau khi được can ngăn ra ông N1 bỏ chạy về gần tới nhà thì té ngã (Bút lục 126-131; 137a-137b; 136-139; 142-145).

Không có căn cứ để kết luận bị cáo D dùng hung khí đánh vào đầu ông N1 hoặc dùng lực cố ý làm cho đầu ông N1 va đập xuống nền lộ (như dùng tay nắm đầu ông N1 đập xuống nền lộ hoặc dùng chân đạp mạnh vào đầu khi ông N1 đang nằm trên lộ…) dẫn đến chấn thương. Đồng thời cũng không có căn cứ để xác định có người nào khác dùng hung khí đánh vào đầu ông N1 khi bị cáo D và ông N1 đang câu vật nhau.

Bị cáo D chỉ chém ông N1 một dao trúng vào tay, bị rớt dao thì không nhặt dao tiếp tục chém mà xông vào câu vật với ông N1, chứng tỏ bị cáo không cố ý thực hiện hành vi nhằm mục đích tước đoạt mạng sống của ông N1. Tuy nhiên, việc bị cáo dùng dao chém vào tay ông N1 và sau đó câu vật với ông N1 trên nền lộ bê tông thì bị cáo biết và buộc phải biết là sẽ xâm phạm đến sức khỏe, gây thương tích đối với ông N1 nhưng bị cáo vẫn thực hiện nên đây là

hành vi cố ý gây thương tích. Đồng thời, từ hành vi cố ý gây thương tích của bị cáo dẫn đến ông N1 bị chấn thương và khi được can ngăn ra ông N1 chạy về nhà một đoạn thì té ngã, sau đó tử vong.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định hành vi của bị cáo D chỉ cấu thành tội cố ý gây thương tích làm chết người, được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không sai, đúng người, đúng tội danh. Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại cho rằng hành vi của bị cáo D là giết người là không có cơ sở nên không chấp nhận.

[2.2]. Xét hình phạt áp dụng đối với bị cáo:

Tòa án cấp sơ thẩm khi lượng hình đã xem xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáovà cho rằng, hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe, tính mạngngười khác một cách trái pháp luật. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nên phải bị truy tố và xét xử đối với hành vi đã thực hiện theo quy định của pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường cho gia đình bị hại được 110.000.000đ; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của bị hại ***N1***, bởi theo chứng cứ có trong hồ sơ là lời khai của những người làm chứng (trong đó có chị ***Nguyễn Như P*** là cháu ruột ông ***N1***) xác định được, khi cùng nhau nhậu tại nhà ***số E N, khu phố G, phường R*** chính ông ***N1*** là người đã gây sự dẫn đến có chuyện cự cải định xông vào đánh nhau giữa ông ***N1*** và bị cáo ***D***, sau khi được mọi người can ngăn và chấm dứt tiệc nhậu mọi người về nhà thì một lúc sau ông ***N1*** lại cầm dao đến trước nhà bị cáo ***Dương c***, thách thức đánh nhau và dùng dao chém bị cáo ***D*** gây thương tích (qua giám định là 6%), nên bị cáo ***D*** bị kích động tinh thần, không kiềm chế được bản thân đã dùng dao chém lại trúng vào tay ông ***N1***, sau đó cả hai xông vào câu vật nhau; bị cáo ***D*** có thời gian tham gia quân đội được xuất ngũ, có đóng góp công sức cho công cuộc bảo vệ tổ quốc, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, e, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Như vậy, về quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đề nghị không áp dụng điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo ***D*** là không có cơ sở chấp nhận.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy rằng, Toà án cấp sơ thẩm quyết định xử phạt bị cáo mức hình phạt 08 năm tù là tương xứng tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, trên cơ sở xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo ***D***.

[3]. Về trách nhiệm dân sự:

- Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị hại N1 yêu cầu buộc bị cáo D phải bồi thường chi phí mai táng 50.000.000đ; tổn thất tinh thần 150.000.000đ; cấp dưỡng nuôi mẹ của bị hại N1 là bà Lữ Thị B 150.000.000đ. Bị cáo Triệu Hải D đồng ý bồi thường chi phí mai táng 50.000.000đ, còn các khoản khác không đồng ý theo ý kiến yêu cầu của đại diện gia đình ông N1 đưa ra mà yêu cầu Hội đồng xét xử quyết định theo quy định của pháp luật.

+ Đối với chi phí mai táng: Bị cáo D và đại diện hợp pháp của bị hại đã thống nhất só tiền phải bồi thường là 50.000.000đ, nên ghi nhận.

+ Đối với khoản bồi thường về tổn thất tinh thần, cần phải đối chiếu quy định pháp luật để quyết định, cụ thể như sau:

Khoản 2 Điều 591 Bộ luật dân sự quy định trong trường hợp tính mạng bị xâm phạm thì người được bồi thường tổn thất tinh thần là những người thân thích thuộc *hàng thừa kế thứ nhất* của người bị thiệt hại.

Theo Điều 651 Bộ luật dân sự thì hàng thừa kế thứ nhất bao gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết.Theo chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện và chính lời trình bày thừa nhận của bà Mai Phương T, thì bị hại Nguyễn Ngọc N1 chung sống với bà Mai Phương T như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, thời điểm bắt đầu chung sống là khoảng năm 2015-2016 và hiện nay hai người không có con chung. Trong khi, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy đinh của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Mặt khác, nếu đối chiếu theo quy định của pháp luật trước đó (Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và điểm c khoản 3 nghị quyết 35/2000/NQ-QH ngày 9/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và gia đình) thì kể từ ngày 01/01/2001 trở đi nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Từ đó xác định bà T không được pháp luật công nhận là vợ của ông N1, không phải là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông N1. Vì vậy trong vụ án này chỉ có bà Lữ Thị Ba m ruột bị hại Nhẫn được bồi thường tổn thất tinh thần, vì ở thời điểm ông N1 bị xâm phạm tính mạng thì chỉ có bà B là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông N1.

Xét nguyên nhân bị cáo D thực hiện hành vi phạm tội có lỗi của bị hại N1 như nêu trên và tình trạng của người được bồi thường tổn thất tinh thần, Hội đồng xét xử thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo D phải bồi thường tổn thất tinh thần cho bà Lữ Thị B là mẹ ruột của bị hại Nhẫn 60.000.000đ trong tổng số 110.000.000đ gia đình bị cáo đã đưa cho gia đình bị hại N1 là phù hợp. Tức 110.000.000đ đã đưa thì 50.000.000đ là bồi thường chi phí mai táng, 60.000.000đ là bồi thường tổn thất tinh thần.

+ Đối với yêu buộc bị cáo D cấp dưỡng nuôi mẹ của bị hại Nhẫn là bà Lữ Thị B bằng 150.000.000đ: bà Lữ Thị Ba không c1 có một người con là bị hại N1 đã chết, mà còn có nhiều người con khác cũng phải có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng bà B (và thực tế theo lời trình bày thừa nhận của bà T là người

đại diện theo ủy quyền của bà B và những người khác trong gia đình cho biết, sau khi ông N1 chết thì nhiều người con khác đã chăm sóc, nuôi dưỡng bà B). Mặt khác, bà B hiện còn được hưởng trợ cấp của địa phương thuộc diện người cao tuổi mỗi tháng 270.000đ.

Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy rằng, Toà án cấp sơ thẩm buộc bị cáo D chịu trách nhiệm cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ để góp một phần cùng các con của bà B nuôi dưỡng, chăm sóc bà B là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[4]. Các quyết định khác về xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]. Về án phí phúc thẩm: đại diện hợp pháp của bị hại không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 298, khoản 3 Điều 342 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần Quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKSTKG-P2 ngày 17/3/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang về phần đổi tội danh đối với bị cáo Triệu Hải D.

- Không chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp cho bị hại bà Lữ Thị B (có bà Mai Phương T là đại diện theo uỷ quyền) về tăng hình phạt đối với bị cáo Triệu Hải D và tăng mức bồi thường thiệt hại.

- Không chấp nhận Quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKSTKG-P2ngày 17/3/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang về tăng hình phạt đối với bị cáo Triệu Hải D.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2023/HS-ST của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang về phần hình phạt và phần bồi thường trách nhiệm dân sự đối với bị cáo Triệu Hải D.

Tuyên xử:

1/. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 134; điểm b, e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Tuyên bố bị cáo Triệu Hải D phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Xử phạt bị cáo Triệu Hải D 08 (tám) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị tạm giam (ngày 18/11/2021).

Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày, kể ngày tuyên án phúc thẩm, để đảm bảo việc thi hành án.

2/. Về trách nhiệm dân sự, áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585 và Điều 591 Bộ luật dân sự, chấp nhận một phần yêu cầu của đại diện hợp pháp của bị hại:

- Buộc bị cáo Triệu Hải D phải bồi thường chi phí mai táng bị hại Nguyễn Ngọc N1 50.000.000đ và bồi thường tổn thất tinh thần cho bà Lữ Thị Ba m ruột bị hại Nhẫn 60.000.000đ. Tổng cộng là 110.000.000đ (Một trăm mươi triệu đồng). Bà Mai Phương T đại diện theo ủy quyền của bà Lữ Thị B đã nhận đủ 110.000.000đ (Một trăm mươi triệu đồng) từ gia đình bị cáo D, như vậy bị cáo D đã thực hiện xong việc bồi thường chi phí mai táng và tổn thất thi thần cho gia đình bị hại.

- Buộc bị cáo Triệu Hải D phải cấp dưỡng đối với bà Lữ Thị Ba mẹ ruột bị hại Nhẫn mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 13 tháng 11 năm 2021.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của bà Lữ Thị B hoặc người đại diện hợp pháp của bà B, nếu bị cáo D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ số tiền cấp dưỡng đối với bà B thì hàng tháng bị cáo D còn phải chịu trách nhiệm trả tiền lãi cho họ theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3/. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4/. Về án phí phúc thẩm: Bà Lữ Thị Ba không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSNDCC tại TP. HCM;
- TAND tỉnh Kiên Giang (2);
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- Công an tỉnh Kiên Giang;
- TTG Công an tỉnh Kiên Giang (T/đ cho B/c) (2);
- BH;
- Lưu HS (2), VP(5), 19B LTTT.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đắc Minh